

PHỤ LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN CẤP XÃ
(Kèm theo Thông báo số 35/TB-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2025)

STT	MÃ TT	MỨC DVC	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	LĨNH VỰC
VĂN PHÒNG HĐND&UBND (GỒM 70 THỦ TỤC)				
1	2.00208	Một phần	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	Phổ biến giáo dục pháp luật (05 thủ tục)
2	1.002211	Toàn trình	Thủ tục công nhận hòa giải viên (cấp xã)	
3	2.00095	Toàn trình	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải (cấp xã)	
4	2.00093	Toàn trình	Thủ tục thôi làm hòa giải viên (cấp xã)	
5	2.000424	Toàn trình	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe,tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	
6	2.002165	Một phần	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	Bồi thường nhà nước (01 thủ tục)
7	2.001406	Một phần	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	
8	2.001035	Một phần	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	
9	2.001019	Một phần	Thủ tục chứng thực di chúc	
10	2.001016	Một phần	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	
11	2.001009	Một phần	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	

STT	MÃ TT	MỨC DVC	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	LĨNH VỰC
12	2.001008	Một phần	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật	Chứng thực (13 thủ tục)
13	2.000992	Một phần	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã	
14	2.000942	Toàn trình	Thủ tục cấp bản sao từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	
15	2.000927	Một phần	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	
16	2.000913	Một phần	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	
17	2.000908	Toàn trình	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	
18	2.000884	Một phần	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	
19	2.000815	Một phần	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	
1	3.000323	Toàn trình	Đăng ký giám sát việc giám hộ	
2	3.000322	Toàn trình	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	
22	2.002516	Toàn trình	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	
23	2.002189	Toàn trình	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	
24	1.005461	Toàn trình	Đăng ký lại khai tử	

STT	MÃ TT	MỨC DVC	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	LĨNH VỰC
25	1.004884	Toàn trình	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	Hộ tịch (37 thủ tục)
26	1.004873	Toàn trình	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	
27	1.004859	Toàn trình	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	
28	1.004845	Toàn trình	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	
29	1.004837	Toàn trình	Thủ tục đăng ký giám hộ	
30	1.004772	Toàn trình	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	
31	1.004746	Một phần	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	
32	1.003583	Một phần	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	
33	2.000806	Một phần	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	
34	1.001766	Toàn trình	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	
35	2.000779	Toàn trình	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	
36	1.001695	Toàn trình	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	
37	1.001669	Toàn trình	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	
38	2.000756	Toàn trình	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	
39	2.000748	Toàn trình	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	
40	2.000635	Toàn trình	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	
41	1.001193	Toàn trình	Thủ tục đăng ký khai sinh	
42	2.000554	Toàn trình	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	

STT	MÃ TT	MỨC DVC	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	LĨNH VỰC
43	2.000547	Toàn trình	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	
44	2.000528	Toàn trình	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	
45	2.000522	Toàn trình	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	
46	2.000513	Một phần	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	
47	1.001022	Toàn trình	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	
48	2.000497	Toàn trình	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	
49	1.000894	Một phần	Thủ tục đăng ký kết hôn	
50	1.000893	Toàn trình	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	
51	1.000689	Toàn trình	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	
52	1.000656	Toàn trình	Thủ tục đăng ký khai tử	
53	1.000593	Toàn trình	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	
54	1.000419	Toàn trình	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	
55	2.002621	Toàn trình	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	
56	2.002622	Toàn trình	Liên thông đăng ký khai tử, xoá đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất	
57	2.002363	Toàn trình	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Nuôi con nuôi (05 thủ tục)
58	2.001263	Một phần	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	
59	2.001255		Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	

STT	MÃ TT	MỨC DVC	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	LĨNH VỰC
60	1.003005	Một phần	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	(05 thủ tục)
61	2.002349	Toàn trình	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	
62	2.002409	Một phần	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	Giải quyết khiếu nại (01 thủ tục)
63	2.002396	Một phần	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp xã	Giải quyết tố cáo (01 thủ tục)
64	2.002403	Một phần	Thủ tục thực hiện việc giải trình	Phòng, chống tham nhũng (04 thủ tục)
65	2.002402	Một phần	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	
66	2.002401	Một phần	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập	
67	2.0024	Một phần	Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập	
68	1.010945	Một phần	Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã	Tiếp công dân (01 thủ tục)
69	2.002501	Một phần	Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã	Xử lý đơn (01 thủ tục)
70	1.008603.H24	Một phần	Thủ tục Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	Quản lý thuế (01 thủ tục)
PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI (GỒM 145 THỦ TỤC)				
71	1.004964.000.00.00.H24	Toàn trình	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chi-a	
72	2.001157.000.00.00.H24	Toàn trình	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	

STT	MÃ TT	MỨC DVC	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	LĨNH VỰC
73	2.001396.000.00.00.H24	Toàn trình	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	
74	1.001257.000.00.00.H24	Toàn trình	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	
75	1.010833.000.00.00.H24	Một phần	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	
76	1.010801.000.00.00.H24	Toàn trình	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	
77	1.010802.000.00.00.H24	Toàn trình	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác	
78	1.010804.000.00.00.H24	Toàn trình	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	
79	1.010810.000.00.00.H24	Toàn trình	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	
80	1.010812.000.00.00.H24	Toàn trình	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	
81	1.010814.000.00.00.H24	Toàn trình	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	
82	1.010816.000.00.00.H24	Toàn trình	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	
83	1.010818.000.00.00.H24	Toàn trình	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	

STT	MÃ TT	MỨC DVC	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	LĨNH VỰC
84	1.010821.000.00.00.H24	Toàn trình	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Người có công (29 thủ tục)
85	1.010803.000.00.00.H24	Toàn trình	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.	
86	1.010805.000.00.00.H24	Toàn trình	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	
87	1.010811.000.00.00.H24	Toàn trình	Cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	
88	1.010815.000.00.00.H24	Toàn trình	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng.	
89	1.010817.000.00.00.H24	Toàn trình	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	
90	1.010819.000.00.00.H24	Toàn trình	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	
91	1.010820.000.00.00.H24	Toàn trình	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng.	
92	1.010824.000.00.00.H24	Toàn trình	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	
93	1.010825.000.00.00.H24	Toàn trình	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ.	
94	1.010829.000.00.00.H24	Toàn trình	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	
95	1.010830.000.00.00.H24	Toàn trình	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	
96	2.002308.000.00.00.H24	Toàn trình	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	

STT	MÃ TT	MỨC DVC	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	LĨNH VỰC
97	1.013749.H24	Một phần	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đảng cử ở lại miền nam hoạt động sau hiệp định Gionevo năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng	
98	1.013750.H24	Một phần	Thăm viếng mộ liệt sĩ.	
99	2.002307.H24	Toàn trình	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	
100	1.001653.000.00.00.H24	Một phần	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	Bảo trợ xã hội (12 thủ tục)
101	2.000477.000.00.00.H24	Một phần	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội	
102	2.000355.000.00.00.H24	Một phần	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	
103	1.001731.000.00.00.H24	Một phần	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	
104	1.013821.H24	Một phần	Thực hiện, điều chỉnh, tạm dừng, thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn	
105	1.001776.000.00.00.H24	Một phần	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	
106	2.000286.000.00.00.H24	Một phần	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	
107	1.013822.H24	Một phần	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn	
108	2.000282.000.00.00.H24	Một phần	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội	

STT	MÃ TT	MỨC DVC	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	LĨNH VỰC
109	1.001699.000.00.00.H24	Một phần	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	
110	1.014028.H24	Toàn trình	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	
111	1.014027.H24	Toàn trình	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	
112	1.012971.H24	Toàn trình	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập	Cơ sở giáo dục khác (04 thủ tục)
113	1.012973.H24	Toàn trình	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập	
114	1.012974.H24	Toàn trình	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	
115	1.012975.H24	Toàn trình	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	
116	1.012299.000.00.00.H24	Một phần	Thủ tục thi tuyển Viên Chức (Nghị định số 85/2023/NĐ-CP)	Công chức viên chức (06 thủ tục)
117	1.012301.000.00.00.H24	Cung cấp thông tin trực tuyến	Thủ tục tiếp nhận vào viên chức không giữ chức vụ quản lý	
118	1.012300.000.00.00.H24	Một phần	Thủ tục xét tuyển Viên chức (85/2023/NĐ-CP)	
119	1.014116.H24	Một phần	Tiếp nhận vào công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	
120	1.014111.H24	Một phần	Thi tuyển công chức	
121	1.014113.H24	Một phần	Xét tuyển công chức	
122	1.012222.H24	Một phần	Công nhận người có uy tín	Công tác dân tộc (02 thủ tục)
123	1.012223.H24	Một phần	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín	
124	1.012085.000.00.00.H24	Một phần	Thủ tục hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị	

STT	MÃ TT	MỨC DVC	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	LĨNH VỰC
125	1.012084.000.00.00.H24	Một phần	Thủ tục cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo đề nghị của cơ quan, tổ chức cá nhân	Gia đình (02 thủ tục)
126	1.006445.000.00.00.H24	Một phần	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	Giáo dục mầm non (05 thủ tục)
127	1.006390.000.00.00.H24	Một phần	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giao dục	
128	1.006444.000.00.00.H24	Một phần	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	
129	1011978	Một phần	Tuyển sinh trung học cơ sở	
130	1.012961.H24	Một phần	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	
131	2.001960.000.00.00.H24	Một phần	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LDD) (02 thủ tục)
132	2.002284.000.00.00.H24	Một phần	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc xã	
133	3.000308.H24	Toàn trình	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	Giáo dục thường xuyên (03 thủ tục)
134	3.000307.H24	Toàn trình	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng	
135	1.012969.H24	Toàn trình	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng	
136	1.004563.000.00.00.H24	Toàn trình	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	Giáo dục tiểu học (04 thủ tục)
137	1.001639.000.00.00.H24	Toàn trình	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	
138	1.005099.000.00.00.H24	Toàn trình	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	
139	1.012963.H24	Toàn trình	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học	
140	2.001904.000.00.00.H24	Một phần	Tiếp nhận đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	
141	1.005108.000.00.00.H24	Một phần	Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	
142	2.002481.000.00.00.H24	Một phần	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở.	

STT	MÃ TT	MỨC DVC	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	LĨNH VỰC
143	2.002483.000.00.00.H24	Một phần	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài	Giáo dục trung học (10 thủ tục)
144	2.002482.000.00.00.H24	Một phần	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước	
145	3.000182.000.00.00.H24	Một phần	Tuyển sinh trung học cơ sở	
146	1.012965.H24	Một phần	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	
147	1.012967.H24	Một phần	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	
148	1.012968.H24	Một phần	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	
149	1.012964.H24	Một phần	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	
150	1.000288.000.00.00.H24	Một phần	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (10 thủ tục)
151	1.000280.000.00.00.H24	Một phần	: Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	
152	1.001714.000.00.00.H24	Một phần	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	
153	1.001622.000.00.00.H24	Một phần	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	
154	1.005143.000.00.00.H24	Một phần	Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài	
155	1.003702.000.00.00.H24	Một phần	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	
156	1.002407.000.00.00.H24	Một phần	Xét, cấp học bổng chính sách	
157	1.000691.000.00.00.H24	Một phần	Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia	
158	1.008951.000.00.00.H24	Một phần	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	
159	1.008950.000.00.00.H24	Một phần	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	
160	1.000713.000.00.00.H24	Một phần	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Kiểm định chất lượng giáo dục (03 thủ tục)
161	1.000715.000.00.00.H24	Một phần	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	

STT	MÃ TT	MỨC DVC	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	LĨNH VỰC
162	1.000711.000.00.00.H24	Một phần	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	
163	1.013792.H24	Một phần	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử (04 thủ tục)
164	1.013793.H24	Một phần	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	
165	1.013794.H24	Một phần	Thủ tục gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	
166	1.013795.H24	Một phần	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	
167	2.001661.000.00.00.H24	Một phần	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	Phòng chống tệ nạn xã hội (04 thủ tục)
168	1.010941.000.00.00.H24	Một phần	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	
169	1.010938.H24	Một phần	Công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	
170	1.010939.H24	Một phần	Công bố lại tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	
171	2.001252.000.00.00.H24	Một phần	Ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế hàng năm	Tài chính y tế (03 thủ tục)
172	1.003048.000.00.00.H24	Một phần	Ký hợp đồng khám bệnh bảo hiểm y tế lần đầu	
173	1.003034.000.00.00.H24	Một phần	Ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế đối với cơ sở khám chữa bệnh được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt bổ sung chức năng, nhiệm vụ, phạm vi chuyên môn, cấp chuyên môn kỹ thuật trong việc thực hiện khám bệnh, chữa bệnh	
174	2.000794	Một phần	Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	
175	1.005090.000.00.00.H24		Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	Thi tuyển sinh (01 thủ tục)
176	1.002179.000.00.00.H24	Một phần	Đăng ký, đăng ký lại, điều chỉnh đóng BHXH tự nguyện; cấp sổ BHXH	Thu BHYT, BHXH, BHTN, BH tai nạn LĐ, BNN (03 thủ tục)
177	1.002051.000.00.00.H24	Một phần	Đăng ký, điều chỉnh đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN; cấp sổ BHXH, thẻ BHYT	

STT	MÃ TT	MỨC DVC	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	LĨNH VỰC
178	1.001939.000.00.00.H24	Một phần	Đăng ký đóng, cấp thẻ BHYT đối với người chỉ tham gia BHYT	
179	1.013796	Một phần	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một xã	Tín ngưỡng, tôn giáo (07 thủ tục)
180	1.013797	Một phần	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một xã	
181	1.013798	Một phần	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một xã	
182	1.012222	Một phần	Công nhận người có uy tín	
183	1.012223	Một phần	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín	
184	1.01259	Một phần	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung	
185	1.012585	Một phần	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	
186	1.004946.000.00.00.H24	Một phần	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	Trẻ em (07 thủ tục)
187	1.004944.000.00.00.H24	Một phần	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	
188	2.001947.000.00.00.H24	Một phần	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	
189	1.004941.000.00.00.H24	Một phần	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	
190	2.001944.000.00.00.H24	Một phần	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	
191	2.001942.000.00.00.H24	Một phần	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	
192	1.012084.000.00.00.h24	Một phần	Thủ tục tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân	

STT	MÃ TT	MỨC DVC	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	LĨNH VỰC
193	2.001088	Một phần	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số	Dân số, bà mẹ và trẻ em (01 thủ tục)
194	3.000467.H24	Một phần	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (tại cấp xã)	Văn bằng chứng chỉ (02 thủ tục)
195	3.000468.H24	Một phần	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (tại cấp xã)	
196	1.013791	Một phần	Tiếp nhận hồ sơ đăng ký lễ hội quy mô cấp xã	Văn hóa (02 thủ tục)
197	1.003622	Một phần	Thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	
198	1.013725.H24	Một phần	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh	Việc làm (02 thủ tục)
199	1.013724.H24	Một phần	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động .	
200	1.013704.H24	Một phần	Báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (15 thủ tục)
201	1.013711.H24	Một phần	Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	
202	1.013714.H24	Một phần	Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	
203	1.013707.H24	Một phần	Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	
204	1.013709.H24	Một phần	Cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn	
205	1.013715.H24	Một phần	Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	
206	1.013702.H24	Một phần	Công nhận ban vận động thành lập hội	
207	1.013713.H24	Một phần	Công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ	
208	1.013712.H24	Một phần	Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng quản lý quỹ	
209	1.013708.H24	Một phần	Hội tự giải thể	
210	1.013716.H24	Một phần	Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ	

STT	MÃ TT	MỨC DVC	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	LĨNH VỰC
211	1.013710.H24	Một phần	Hỗ trợ chi phí y tế và thu nhập thực tế bị mất hoặc giảm sút cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe	
212	1.013717.H24	Một phần	Quỹ tự giải thể	
213	1.013703.H24	Một phần	Thành lập hội	
214	1.013706.H24	Một phần	Thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội	
215	1.013734.H24	Một phần	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết .	Quản lý lao động ngoài nước (01 thủ tục)
PHÒNG KINH TẾ (GỒM 155 THỦ TỤC)				
1	1.013274		Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	Đường bộ (04 thủ tục)
2	1.013061		Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	
3	2.001921		Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ	
4	1.000314		Chấp thuận vị trí đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác	
5	1.009455		Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	
6	1.009454		Công bố hoạt động bến thủy nội địa	
7	1.009465		Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông	

STT	MÃ TT	MỨC DVC	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	LĨNH VỰC
8	1.009453		Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	Hàng hải và Đường thủy (25 thủ tục)
9	1.009452		Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	
10	1.009447		Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	
11	1.009444		Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	
12	1.006391		Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	
13	1.00504		Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	
14	1.004088		Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	
15	1.004047		Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	
16	1.004036		Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	
17	2.001711		Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	
18	1.004002		Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	
19	1.00397		Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	
20	1.00393		Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	
21	2.001659		Xóa đăng ký phương tiện	

STT	MÃ TT	MỨC DVC	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	LĨNH VỰC
22	1.003658		Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	
23	2.001218		Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	
24	2.001217		Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	
25	2.001215		Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	
26	2.001214		Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	
27	2.001212		Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	
28	2.001211		Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	
29	1.002372		Xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải	
30	1.013232		Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	
31	1.013229		Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo	
32			tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ:	

STT	MÃ TT	MỨC DVC	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	LĨNH VỰC
33	1.013228		Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển <u>trong đô thị/Dự án</u>) và <u>nhà ở riêng lẻ</u>	Hoạt động xây dựng (07 thủ tục)
34	1.013226		Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình <u>theo tuyển trong đô thị/Dự án</u>) và <u>nhà ở riêng lẻ</u>	
35	1.013225		Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình <u>theo tuyển trong đô thị/Dự án</u>) và <u>nhà ở riêng lẻ</u>	
36	1.013227		Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển <u>trong đô thị/Dự án</u>) và <u>nhà ở riêng lẻ</u>	
37	1.012888		Công nhận Ban quản trị nhà chung cư	Nhà ở và công sở (01 thủ tục)
38	1.008455		Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	Quy hoạch, Xây dựng và kiến trúc (03 thủ tục)
39	1.003141		Thẩm định đô án, đô án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc <u>thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp xã</u>	
40	1.002662		Thủ tục thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc <u>thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp xã</u>	

STT	MÃ TT	MỨC DVC	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	LĨNH VỰC
41	1.005412		Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	Bảo hiểm (01 thủ tục)
42	2.002668		Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (01 thủ tục)
43	3.00041		Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản không có người thừa kế	Quản lý công sản (04 thủ tục)
44	3.000327		Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	
45	3.000326		Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại	
46	0.000325		Thanh toán chi phí liên quan đến xử lý tài sản KCHT thủy lợi (đối với tài sản KCHT thủy lợi do cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc UBND TP quản lý)	
47	1.01304		Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	Quản lý thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước (02 thủ tục)
48	1.008603		Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	
49	1.012994		Khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	Tài chính đất đai (03 thủ tục)
50	1.012995		Ghi nợ tiền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp được bố trí tái định cư	
51	1.012996		Thanh toán, xoá nợ tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân	
52	2.002228		Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	
53	2.002226		Thông báo thành lập/thay đổi tổ hợp tác	
54	2.00265		Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
55	2.002649		Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
56	2.002648		Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	

STT	MÃ TT	MỨC DVC	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	LĨNH VỰC
57	2.002646		Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	Thành lập và hoạt động hỗ trợ của tổ hợp tác, HTX, liên hiệp HTX (28 thủ tục)
58	2.002644		Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác	
59	2.002643		Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
60	2.002645		Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
61	2.002642		Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	
62	2.002641		Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác	
63	2.00264		Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	
64	2.002639		Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	
65	2.002638		Cập lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	
66	2.002637		Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	
67	2.002635		Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	
68	2.002636		Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo	
69	1.005378		Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
70	1.005377		Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	

STT	MÃ TT	MỨC DVC	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	LĨNH VỰC
71	1.00528		đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	
72	2.002123		Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh	
73	1.005277		Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	
74	2.001973		Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
75	1.00501		Châm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
76	1.004982		Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
77	1.004979		Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	
78	2.001958		Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
79	1.004901		Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
80	1.001612		Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (07 thủ tục)
81	2.00072		Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	
82	1.00157		Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	
83	1.001266		Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	
84	2.000575		Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	
85	1.014034		Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh	

STT	MÃ TT	MỨC DVC	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	LĨNH VỰC
86	1.014035		Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh	
87	2.002096		Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu	Công nghiệp địa phương (01 thủ tục)
88	2.001283		Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	Kinh doanh khí (03 thủ tục)
89	2.00127		Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	
90	2.001261		Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	
91	2.00124		Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	Lưu thông hàng hóa trong nước (09 thủ tục)
92	2.000633		Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	
93	2.000629		Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	
94	1.001279		Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	
95	2.00062		Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	
96	2.000615		Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	
97	2.000181		Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	
98	2.000162		Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	
99	2.00015		Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	
100	1.012569		Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do nhà nước đầu tư, quản lý (02 thủ tục)
101	1.012568		Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý	
102	1.004082		Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích (Cấp Xã)	Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học (02 thủ tục)
103	3.000442		Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	
104	3.000439		Giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	Biển và hải đảo
105	3.000443		Công nhận khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	

STT	MÃ TT	MỨC DVC	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	LĨNH VỰC
106	3.000441		Trả lại khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	04 thủ tục)
107	3.00044		Gia hạn thời hạn giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	
108	1.012837		Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	Chăn nuôi (02 thủ tục)
109	1.012836		Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitơ lỏng, găng tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò)	
110	1.013979		Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	
111	1.013978		Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	
112	1.013965		Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích.	
113	1.013967		Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	

STT	MÃ TT	MỨC DVC	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	LĨNH VỰC
114	1.013962		Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế -	Lĩnh vực đất đai (15 thủ tục)
115	1.013274		xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở	
116	1.01395		Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất.	
117	1.013949		Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	
118	1.013953		Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa	

STT	MÃ TT	MỨC DVC	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	LĨNH VỰC
119	1.013952		Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư.	
120	1.012818		Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	
121	1.012817		Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	
122	1.012812		Hòa giải tranh chấp đất đai	
123	1.012796		Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	
124	1.012753		Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	
125	3.000412		Công nhận người lao động có thu nhập thấp	Giảm nghèo (05 thủ tục)
126	1.011609		Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	
127	1.011607		Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	
128	1.011608		Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	
129	1.011606		Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	
130	1.012695		Quyết định thi hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân	Kiểm lâm

STT	MÃ TT	MỨC DVC	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	LĨNH VỰC
131	1.012694		Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với	(02 thủ tục)
132	1.003434		Hỗ trợ dự án liên kết (cấp xã)	Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn (01 thủ tục)
133	3.00025		Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ	Lâm nghiệp (02 thủ tục)
134	1.007919		Thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công	
135	1.010736		Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường (cấp xã) (1.010736)	Môi trường (01 thủ tục)
136	1.003596		Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)	Nông nghiệp (01 thủ tục)
137	1.010091		Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	Quản lý đề điều và phòng chống thiên tai (04 thủ tục)
138	1.010092		Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	
139	2.002163		Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu	
140	2.002162		Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh	
141	1.001662		Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	Tài nguyên nước (01 thủ tục)
142	1.013768		Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước trên địa bàn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp	
143	2.001627		Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp.	

STT	MÃ TT	MỨC DVC	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	LĨNH VỰC
144	2.001621		Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	Thủy lợi (07 thủ tục)
145	1.003471		Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	
146	1.003446		Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	
147	1.00344		Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	
148	1.003347		Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã.	
149	1.004498		Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	Thủy sản (03 thủ tục)
150	1.004478		Công bố mở cảng cá loại III	
151	1.003956		Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	
152	1.008004		Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa	Trồng trọt (01 thủ tục)
153	1.013128		Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở kinh doanh xăng, dầu chỉ có nguy cơ xảy ra tràn dầu ở mức nhỏ trên đất liền, trên sông, trên biển	Ứng phó sự cố tràn dầu (01 thủ tục)
154	2.00262		Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	Bảo vệ người tiêu dùng (01 thủ tục)
155	1.013997		Hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh động vật (cơ sở sản xuất không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân)	Thú y (01 thủ tục)

